TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lò Thị Thanh Bình.**

Ông **Nguyễn Quang Khải.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST- HNGĐ ngày 14/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị N**; sinh năm 1994.

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(có mặt tại phiên tòa);*

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn P**; sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, *(vắng mặt không lý do)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2005 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lường Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Lò Văn P có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/10/2015, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, sau khi kết hôn chị N chuyển về nhà bố mẹ chồng sinh sống nhưng chưa chuyển hộ khẩu về xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng anh chị có hạnh phúc, sau đó đến năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, mâu

thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm, anh chị đã sống ly thân. Chị N đã chuyển về nhà bố mẹ sinh sống tại địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị N làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lò Mạnh Q; sinh ngày 06/9/2015. Quan điểm của chị N sau khi ly hôn chị sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị N khai không có.

Ngày 10/02/2025, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Lường Thị N. Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 56/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và đã xuống tống đạt trực tiếp cho anh Lò Văn P tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh P không có mặt ở nhà và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Lãnh đạo bản Nghịu, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cho biết anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản N, xã T, huyện Đ nhưng hiện nay anh P đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh P đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại bản Nghịu, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và UBND xã T, huyện Đ; Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này anh P cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại phiên tòa anh P vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử vụ án trên vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 29/4/2025. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn P đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. Chị Lường Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; về quan hệ tài sản không yêu cầu Toà án giải quyết như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 06/02/2025 chị Lường Thị N nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn P có địa chỉ tại Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị N có đơn xin miễn án phí, ngày 10/02/2025 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lường Thị N và anh Lò Văn P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc anh P không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh P đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn P có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Như vậy hôn nhân giữa chị N và anh P đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Theo chị N cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó đến năm 2016 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng đến đỉnh điểm, anh chị đã sống ly thân, chị N đã chuyển về nhà bố mẹ sinh sống tại địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho chị ly hôn với anh P. Tòa án đã thông báo cho anh P được biết, nhưng anh P không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh P vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị N khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị N và anh Lò Văn P.

[2.2] Xét về con chung: Chị Lường Thị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lò Mạnh Q; sinh ngày 06/9/2015. Xét thấy từ khi vợ chồng anh chị ly thân, chị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q cho đến nay, bản thân cháu Q cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Lường Thị N và theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị N cung cấp cho Tòa án đã được Lãnh đạo bản Nghịu, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên xác nhận thì vợ chồng chị N và anh P khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân anh chị đã sống ly thân từ lâu, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, anh P thường xuyên vắng nhà đi đâu và làm gì chị N và Lãnh đạo bản cũng không biết. Vì vậy anh P không đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con chung, không đảm bảo được sự phát triển của trẻ. HĐXX thấy rằng cháu Q còn nhỏ, rất cần mẹ chăm sóc, chính vì vậy chị N mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị N. Giao con chung là cháu Lò Mạnh Q cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu

đủ tuổi thành niên hoặc khi có khả năng lao động. Anh P có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị N.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lường Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị N là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, chị N có đơn xin miễn án phí. Vì vậy HĐXX chấp nhận miễn án phí DSST cho chị Lường Thị N.

[5] Về quyền kháng cáo*:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lường Thị N và anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Mạnh Q; sinh ngày 06/9/2015 cho chị Lường Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

4. Về án phí: Miễn 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị N.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Lường Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND HĐB;
- UBND xã Thanh Luông, HĐB, tỉnh ĐB (nơi đky kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan